

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2020

"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp PĐ, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Số 160A, Đường 14 tháng 9, Khóm A, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp LH, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; đơn vị công tác: Phòng CSCĐ Công an tỉnh VL, được đơn vị phân công trực tại mục tiêu TUVL, địa chỉ số 166/3B, đường PH, Khóm C, Phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1) Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 509, ấp TS, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/3/2020).

2) Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam; trụ sở: Tháp BIDV, số 35, HV, quận HK, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan

Quốc Th, sinh năm 1986; chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/5/2020).

3) Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 208, Chung cư Vinhome, Phường 22, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4) Bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp PĐ, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/3/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2019; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 07/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh K trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh K và ông Nguyễn Văn C tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, bà K xác định sống không hạnh phúc do ông C hay nhậu và đánh bà nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã sống ly thân được 06 tháng, vì vậy bà K yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông C.

Về con chung: Bà K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo bà K xác định, trong quá trình chung sống ông bà có các tài sản chung gồm:

01 chiếc xe honda hiệu SH 150, biển số 64B1-434.44 được mua vào năm 2014 với số tiền là 85.000.000 đồng, hiện nay tài sản này do ông C đang quản lý, sử dụng.

01 sợi dây chuyền vàng 02 lượng, loại vàng 18k được mua vào tháng 4/2019 (AL), hiện nay tài sản này do ông C đang quản lý, sử dụng.

01 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ, loại vàng 24k được mua vào tháng 6/2019 (DL), hiện nay tài sản này do ông C đang quản lý, sử dụng.

Năm 2017 vợ chồng bà K, ông C hùn tiền với bà Nguyễn Thị Kiều N và bà Nguyễn Thị Thu Tr mua 01 chiếc đò khách biển số VL-15031 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ 160306, 23.0CV và 01 chiếc đò khách biển số VL-15059 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ CP260001, 30.0CV được mua vào năm 2017 dùng để đưa đón khách tại PH - PĐ. Ngoài ra do trúng thầu bến đò tại PH - PĐ, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre nên vợ chồng ông bà cùng với bà N, bà Tr ký quỹ số tiền 220.000.000 đồng tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre, hiện nay số tiền này đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Về tài sản chung, bà K yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vào ngày 12/6/2017, ông Nguyễn Văn C có vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh VL số tiền 250.000.000 đồng theo Hợp đồng vay số 73082000428170, mục đích vay số tiền này để hùn tiền kinh doanh bến đò đưa đón khách tại PH - PĐ, hình thức vay tín chấp. Theo bà K trình bày, hiện nay bà Kiều, ông C chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng cũng không yêu cầu thu hồi nợ trước hạn vì vậy bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông C thống nhất với lời trình bày của bà K về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Ông C xác định không còn tình cảm với bà K nhưng không đồng ý ly hôn vì chưa thỏa thuận chia tài sản với bà K xong, khi nào giải quyết xong phần tài sản thì ông C đồng ý ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C xác định trong quá trình chung sống ông bà có tài sản chung gồm:

01 chiếc xe honda hiệu SH 150, biển số 64B1-434.44 được mua vào năm 2014 với số tiền là 85.000.000 đồng, hiện nay tài sản này do ông C đang quản lý, sử dụng.

01 sợi dây chuyền vàng 01 lượng, loại vàng 18k được mua vào tháng 4/2019 (AL), hiện nay tài sản này do ông C đang quản lý, sử dụng.

01 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ, loại vàng 24k được mua vào tháng 6/2019 (DL), hiện nay tài sản này do ông C đang quản lý, sử dụng.

Năm 2017 vợ chồng ông bà hùn tiền với bà Nguyễn Thị Kiều N và Nguyễn Thị Thu Tr mua 01 chiếc đò khách biển số VL-15031 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ 160306, 23.0CV và 01 chiếc đò khách biển số VL-15059 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ CP260001, 30.0CV được mua vào năm 2017 dùng để đưa đón khách tại PH - PĐ. Ngoài ra do trúng thầu bến đò khách tại PH - PĐ, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre nên vợ chồng ông bà cùng với bà N, bà Tr ký quỹ số

tiền 220.000.000 đồng tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre, hiện nay số tiền này đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Đối với tài sản chung, ông C yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo ông C trình bày, trong quá trình chung sống ông bà có nợ chung gồm: Vào ngày 12/6/2017, ông C ký hợp đồng số 73082000428170 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT à PT Việt Nam - Chi nhánh VL để vay số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 12/6/2022, mục đích vay để hùn vốn kinh doanh bến đò khách tại PH - PĐ.

Ngoài ra theo ông C trình bày cá nhân ông có ký hợp đồng vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh VL hợp đồng số 73082000420264 ngày 16/5/2017 số tiền 35.000.000 đồng và hợp đồng số 73082000437617 ngày 12/7/2017 vay số tiền 30.000.000 đồng. Hình thức vay tín chấp, mục đích vay để sinh hoạt cá nhân, khi vay tiền ông C không nói cho bà K biết và bà K cũng không biết ông C có vay 02 khoản tiền này. Đối với số nợ riêng thì ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Theo ông C trình bày hiện nay ông chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh VL không có yêu cầu thu hồi nợ trước hạn vì vậy về phần nợ chung và nợ riêng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước Đ trình bày:

Ông Đ là em rể của bà K và em cột chèo của ông C. Vào năm 2017, ông Đ, bà N và vợ chồng ông C, bà K có hùn số tiền là 220.000.000 đồng để đầu thầu bến đò đưa đón khách PH - PĐ thuộc xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Sau khi trúng đầu thầu, các bên thống nhất để ông Đ đứng tên kinh doanh, đứng tên đăng ký phương tiện đối với 01 chiếc đò khách biển số VL-15031 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ 160306, 23.0CV và 01 chiếc đò khách biển số VL-15059 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ CP260001, 30.0CV được mua vào năm 2017 và đứng tên ký quỹ số tiền 220.000.000 đồng tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Sau khi hoạt động được 03 tháng thì ông Đ đã sang lại phần hùn của mình cho bà Nguyễn Thị Thu Tr. Ông Đ xác định việc tranh chấp giữa bà K và ông C không liên quan và ông Đ cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, ông Đ có đơn xin vắng mặt đề ngày 09/3/2020.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc Th trình bày:

Ông Nguyễn Văn C có vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh VL 03 hợp đồng tín dụng gồm:

Hợp đồng số 73082000420264 ngày 16/5/2017 số tiền 35.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay để tiêu dùng; lãi suất trong hạn: 11,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; hình thức vay: Tín chấp.

Hợp đồng số 73082000437617 ngày 12/7/2017 số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay để tiêu dùng; lãi suất trong hạn: 11,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; hình thức vay: Tín chấp.

Hợp đồng số 73082000428170 ngày 12/6/2017, ông Nguyễn Văn C ký hợp đồng vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 12/6/2017 đến ngày 12/6/2022); mục đích vay để tiêu dùng; lãi suất trong hạn: 11,5%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; hình thức vay: Tín chấp.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông C chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, ông Th có đơn xin vắng mặt đề ngày 06/5/2020.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

Trước đây ông Nguyễn Phước Đ có hôn với bà Nguyễn Thị Kiều N và vợ chồng bà K, ông C về việc kinh doanh đưa đón khách tại Bến đò PH - PĐ gồm 01 chiếc đò khách biển số VL-15031 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ 160306, 23.0CV; 01 chiếc đò khách biển số VL-15059 có gắn máy hiệu Yanmar-3 số N₀ CP260001, 30.0CV được mua vào năm 2017 dùng để đưa đón khách tại PH - PĐ và số tiền 220.000.000 đồng ký quỹ tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre, sau đó ông Đ san lại phần hôn này cho bà Tr với số tiền 180.000.000 đồng. Trường hợp vợ chồng ông C, bà K ly hôn và chia tài sản chung thì bà Tr yêu cầu tính lại giá trị tài sản, doanh thu tại Bến đò và chia thành 03 phần cho bà Tr, bà N và vợ chồng bà K, ông C.

Tại phiên tòa, bà Tr có đơn xin vắng mặt đề ngày 09/3/2020.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Bà N nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không có văn bản trả lời và không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà N được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng pháp luật. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định, bị đơn được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh K. Cho bà Nguyễn Thị Thanh K được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn công tác tại Phòng CSCĐ Công an tỉnh VL, được đơn vị phân công trực tại mục tiêu TUVL địa chỉ số 166/3B, đường PH, Khóm A, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long, do đó Tòa án nhân dân thành phố VL thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước Đ, ông Phan Quốc Th, bà Nguyễn Thị Thu Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, ông Đ, ông Th, bà N và bà Tr là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh K và ông Nguyễn Văn C tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp

pháp. Tại Tòa bà K xác định trong quá trình chung sống, ông bà không có khoảng thời gian sống hạnh phúc do ông C thường xuyên nhậu, sau khi nhậu xong thì vợ chồng xảy ra cự cãi, ông C nhiều lần đánh bà nên từ đó vợ chồng sống không còn sống hạnh phúc. Về phía ông C cũng xác định không còn tình cảm với bà K tuy nhiên khi nào giải quyết xong tài sản chung thì ông đồng ý ly hôn với bà K.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông C, bà K đều xác định không còn tình cảm với nhau. Bà K xác định, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần nhưng ông bà không thỏa thuận được và ông C cũng không đến tham dự hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, lời trình bày của bà K cũng phù hợp với văn bản trả lời xác minh cho Tòa án, qua xác minh những người dân sống gần cho biết bà K, ông C thường xuyên xảy ra cự cãi, ông C có nhiều lời nói xúc phạm bà K và gia đình bà K và thậm chí còn rượt đuổi đánh bà K. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà K và ông C đều xác định ông bà không có con chung vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, bà K và ông C đều xác định có tài sản chung nhưng ông bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông C, bà K xác định có vay tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh VL đối với Hợp đồng số 73082000428170 ngày 12/6/2017 số tiền 250.000.000 đồng. Bà K, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Th là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT và PT Việt Nam xác định ông C không vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ riêng: Ông C xác định cá nhân ông có vay tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh VL đối với Hợp đồng số 73082000437617 ngày 12/7/2017 số tiền 30.000.000 đồng; Hợp đồng số 73082000420264 ngày 16/5/2017 số tiền 35.000.000 đồng. Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Th là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT và PT Việt Nam xác định ông C không vi phạm nghĩa

vụ trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu Tr: Bà Tr có yêu cầu trường hợp vợ chồng ông C, bà K ly hôn và chia tài sản chung thì bà Tr yêu cầu tính lại giá trị tài sản, doanh thu tại Bến đò và chia thành 03 phần cho bà Tr, bà N và vợ chồng bà K, ông C. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà Tr không làm đơn yêu cầu độc lập, không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 201 và Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà K được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 28/11/2019 theo biên lai thu số N₀ 0005051 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thành tiền án phí. Bà K đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh K. Cho bà Nguyễn Thị Thanh K được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh K và ông Nguyễn Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà K được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 28/11/2019 theo biên lai thu số N₀ 0005051 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thành tiền án phí. Bà K đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Trường